TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁP MƯỜI** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05-4-2019
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững

Ông Mai Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa:

Ông Huỳnh Văn Sáng - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 528/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018, về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thúy K, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ấp MP 1, xã MQ, huyện X, Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn A, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn MA, huyện X, Đồng Tháp.

(Chị K có mặt, anh A có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Chị Nguyễn Thúy K trình bày*: Năm 2017, chị và anh Nguyễn Văn A tìm hiểu nhau và tự nguyện về sống chung với nhau, có tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau, chị và anh A sống chung với nhau khoảng 01 tháng tại ấp MP 1, xã MQ, huyện X. Sau đó, anh A về sống tại khóm D, thị trấn MA, huyện X cho đến nay. Trong thời gian chung sống, chị và anh A do không hợp tính tình dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Mặc dù, chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để duy trì hôn nhân, nhưng chị và anh A không hàn gắn được. Hiện tại, chị và anh A không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Nay

chị thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn níu kéo được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị yêu cầu Tòa án ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

+ Về quan hệ nuôi con: Có 01 con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 22/9/2017, hiện Quốc B đang sống với chị Kiều. Sau khi ly hôn, chị K yêu cầu được quyền nuôi dưỡng Quốc B và yêu cầu anh A cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

+ Về quan hệ tài sản: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

- *Anh Nguyễn Văn A trình bày:* Anh và chị K sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2017 và không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, anh và chị K không có mâu thuẫn gì, nhưng do công việc nên anh không sống chung với chị K tại ấp MP 1, xã MQ mà sống tại tại khóm D, thị trấn MA. Do anh ít tới lui chăm sóc chị K và con, nên chị K mới yêu cầu ly hôn. Nay chị K không muốn sống chung với anh và yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

+ Về quan hệ nuôi con: Anh thống nhất với lời trình của chị K, anh và chị K có 01 con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 22/9/2017, hiện Quốc B đang sống với chị K. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao Quốc B cho chị K nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

+ Về quan hệ tài sản: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo quy định của pháp luật bị đơn anh Nguyễn Văn A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất đến phiên tòa sơ thẩm. Nhưng anh Nguyễn Văn A có làm đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội và quy định của pháp luật nên căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị K và anh A do quen biết và tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng, thời gian đầu cả hai có cuộc sống hạnh phúc. Lẽ ra, hai bên phải biết yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, giữ gìn hạnh phúc gia đình, nhưng trái lại chị K, anh A không tôn trọng tình cảm đã có, anh A không quan tâm, chăm sóc chị K dẫn đến mâu thuẫn xảy ra. Hơn nữa, chị K và anh A không có giải pháp tích cực để hàn gắn tình cảm, điều đó chứng minh đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị Nguyễn Thúy K yêu cầu Tòa án ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án thực hiện việc triệu tập đối với bị đơn anh Nguyễn Văn A tại các phiên họp, phiên hòa giải nhưng anh A vắng mặt không lý do và tại phiên tòa anh A có đơn xin xét xử vắng mặt. Đồng thời, tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2019, anh A đồng ý ly hôn với chị K. Điều này thể hiện anh A không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị K.

Mặt khác, tại thời điểm kết hôn năm 2017, chị K 40 tuổi, anh A 46 tuổi theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì chị K và anh A có đủ điều kiện kết hôn, nhưng hai bên không đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Cụ thể tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định như sau:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Bên cạnh đó, theo khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình quy định *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…".*

Do đó hôn nhân giữa chị Nguyễn Thúy K và anh Nguyễn Văn A không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thúy K không được chấp nhận.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thúy K và anh Nguyễn Văn A là vợ chồng.

[3] Về quan hệ nuôi con: Chị K và anh A thống nhất có một con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 22/9/2017. Chị K yêu cầu được quyền nuôi dưỡng Quốc B và yêu cầu anh A cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy bé Quốc B, sinh ngày 22/9/2017 tính đến ngày 05/4/2019, bé Quốc B chỉ có 18 tháng 14 ngày tuổi.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định "*3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*".

Và khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định *"2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con".*

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị K và buộc anh Nguyễn Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Quốc B mỗi tháng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định vào từng thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05/2019 cho đến khi Quốc B đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thúy K, anh Nguyễn Văn A có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh A được quyền thăm con.

[4] Về quan hệ tài sản: Theo lời trình bày của chị K và nội dung tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2019 của anh A thì anh, chị thống nhất không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về nợ chung: Theo lời trình bày của chị K và nội dung tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2019 của anh A thì anh, chị thống nhất không có nợ ai và không có ai nợ anh, chị.

[6] Tại phiên tòa sơ thẩm, vị Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Hội đồng xét xử, thư ký và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, đề xuất không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thúy K và anh Nguyễn Văn A, chấp nhận yêu cầu của chị K về việc nuôi con chung tên Quốc B và yêu cầu anh A cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Xét thấy, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thúy K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004062 ngày 10/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Nguyễn Thúy K đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thúy K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thúy K và anh Nguyễn Văn A là vợ chồng.

- Về quan hệ nuôi con: Chị Nguyễn Thúy K được quyền nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Quốc B, sinh ngày 22/9/2017. Anh Nguyễn Văn A có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Quốc B mỗi tháng ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định

vào từng thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 05/2019 cho đến khi Quốc B đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Thúy K, anh Nguyễn Văn A có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh Nguyễn Văn A được quyền thăm con.

- Về quan hệ tài sản: Không có.

- Về nợ: Không có.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thúy K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004062 ngày 10/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tháp Mười. Chị Nguyễn Thúy K đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thúy K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND, VKSND Tỉnh;
-VKSND cùng cấp;
-Chi cục THADS Huyện;
-Đương sự;
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án, (Thi).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Diệu